

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM THI

BÀI 8 (B-II): NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NN&PL VIỆT NAM
LỚP TCLLCT HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 56, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
01	Phạm Thị Vân Anh	01	7,0	Bảy	
02	Nguyễn Thị Lương Anh	02	7,0	Bảy	
03	Vũ Thị Vân Anh	03	7,0	Bảy	
04	Trần Công Cảnh	04	6,5	Sáu rưỡi	
05	Lê Minh Châu	05	7,0	Bảy	
06	Lê Viết Cường	06	7,0	Bảy	
07	Nguyễn Minh Diễn	07	7,0	Bảy	
08	Ma Thị Diệp	08	7,5	Bảy rưỡi	
09	Đào Trung Dũng	09	7,0	Bảy	
10	Nguyễn Tiến Dũng	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Nguyễn Đình Quỳnh Dương	11	7,0	Bảy	
12	Đường Ngọc Duy	12	7,0	Bảy	
13	Đinh Ngọc Đặng	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Lê Khắc Giang	14	7,0	Bảy	
15	Mai Thanh Giang	15	8,0	Tám	
16	Lê Minh Hải	16	7,0	Bảy	
17	Nguyễn Thị Hồng Hải	17	8,0	Tám	
18	Đỗ Thị Bích Hằng	18	7,5	Bảy rưỡi	
19	Trần Lệ Hằng	19	7,0	Bảy	
20	Dương Thúy Hằng	20	8,0	Tám	
21	Nông Thị Hiếu	21	7,5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Thị Việt Hoa	22	7,5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị Thu Hoài	23	7,5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Thanh Hoàn	24	7,0	Bảy	
25	Hà Quang Hồng	25	7,5	Bảy rưỡi	
26	Đỗ Thị Minh Huệ	26	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
27	Hoàng Việt Hùng	27	7,0	Bảy	
28	Phạm Quang Huy	-	-	-	Không đủ ĐKDT
29	Đinh Quang Huy	28	7,0	Bảy	
30	Đào Thị Thanh Huyền	29	7,0	Bảy	
31	Sầm Thị Thanh Huyền	30	7,0	Bảy	
32	Vũ Thị Thanh Huyền	31	7,5	Bảy rưỡi	
33	Ma Thị Hương	32	7,0	Bảy	
34	Đào Đức Hương	33	7,0	Bảy	
35	Hoàng Thị Lan Hương	34	7,5	Bảy rưỡi	
36	Đỗ Thị Thanh Hương	35	7,5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Chí Khen	36	7,5	Bảy rưỡi	
38	Dương Văn Khoa	37	7,0	Bảy	
39	Trần Mạnh Kiên	38	7,0	Bảy	
40	Nghiêm Thị Kim Liên	39	7,0	Bảy	
41	Nguyễn Duy Linh	40	7,0	Bảy	
42	Nông Hoàng Linh	41	7,5	Bảy rưỡi	
43	Trần Thị Phương Linh	42	8,0	Tám	
44	Nguyễn Uy Linh	43	7,0	Bảy	
45	Phạm Thị Trang Linh	44	7,5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Hoàng Long	45	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Văn Long	46	8,0	Tám	
48	Hà Thị Lựu	47	7,5	Bảy rưỡi	
49	Phan Trà Mí	48	7,5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Nết	49	7,0	Bảy	
51	Phan Thị Nga	50	8,0	Tám	
52	Bùi Thị Nhung	51	8,0	Tám	
53	Đặng Ngọc Ninh	52	7,0	Bảy	
54	Lê Thị Phương	53	7,5	Bảy rưỡi	
55	Hoàng Thị Quyên	54	7,5	Bảy rưỡi	
56	Đinh Ngọc Quyền	55	7,0	Bảy	
57	Nguyễn Như Quỳnh	56	7,0	Bảy	
58	Tổng Thanh Sơn	57	7,0	Bảy	
59	Nguyễn Trọng Tấn	58	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
60	Đặng Nam Thái	59	7,5	Bảy rưỡi	
61	Lê Quang Thái	60	7,0	Bảy	
62	Nguyễn Trường Thành	61	7,5	Bảy rưỡi	
63	Lê Trung Thành	62	7,0	Bảy	
64	Trần Thị Hương Thảo	63	8,0	Tám	
65	Nguyễn Đức Thuận	64	8,0	Tám	
66	Phạm Thanh Thùy	65	7,0	Bảy	
67	Nguyễn Thị Thùy	66	7,5	Bảy rưỡi	
68	Trần Thị Thương	67	7,0	Bảy	
69	Mã Văn Tiến	68	7,0	Bảy	
70	Phạm Mạnh Tiến	69	7,0	Bảy	
71	Bùi Huyền Trang	70	7,0	Bảy	
72	Diệp Thu Trang	71	8,0	Tám	
73	Hoàng Thị Thu Trang	72	7,0	Bảy	
74	Phạm Thị Quỳnh Trang	73	7,0	Bảy	
75	Vũ Huyền Trang	74	7,0	Bảy	
76	Trần Hiền Trang	75	7,0	Bảy	
77	Nguyễn Thanh Trường	76	6,5	Sáu rưỡi	
78	Hà Minh Tuấn	77	7,5	Bảy rưỡi	
79	Nguyễn Duy Tuấn	78	7,0	Bảy	
80	Nguyễn Minh Tuấn	79	7,5	Bảy rưỡi	
81	Phạm Ngọc Tuấn	80	7,0	Bảy	
82	Trần Xuân Tùng	81	7,5	Bảy rưỡi	
83	Nguyễn Thị Tuyên	82	7,0	Bảy	
84	Nguyễn Thị Tuyết	83	7,0	Bảy	
85	Bùi Quốc Việt	84	6,5	Sáu rưỡi	

KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA



Lê Minh Hoàng

T/L HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH



Nguyễn Thị Hồng Mây